

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/9/2022

V/v “Yêu cầu không công  
nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Đinh Thị Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Tạ Văn Khách**  
**Ông Nguyễn Sỹ Luận**

*- Thư ký phiên tòa:* **Bà Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị T** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2022/TLST - HNGĐ ngày 11/8/2022 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** **Bà Nguyễn Thị U**, sinh năm 1972. Vắng mặt.

**\* Bị đơn:** **Ông Nguyễn Văn N**, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:**

*- Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 1992, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau. Mâu thuẫn giữa bà và ông N ngày càng trầm trọng, tình cảm giành cho nhau không còn nên bà đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông

N.

- *Về con chung*: Bà và ông N có 04 con chung là Nguyễn Văn M – sinh năm 1992, Nguyễn Văn T – sinh năm 1993, Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1999 và Nguyễn Văn T2 – sinh năm 2006. Các con chung M, T, T1 đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đủ sức khỏe và khả năng lao động. Bà có nguyện vọng nếu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng cho bà và ông N, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T2 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà U tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc trogn quá trình chung sống, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống. Do đó ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà U.

*Về con chung*: Ông và bà U có 04 con chung là Nguyễn Văn M – sinh năm 1992, Nguyễn Văn T – sinh năm 1993, Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1999 và Nguyễn Văn T2 – sinh năm 2006. Các con chung M, T, T1 đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đủ sức khỏe và khả năng lao động. Nếu Tòa án giải quyết ông và bà U ly hôn, ông đồng ý giao cháu Nguyễn Văn T2 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Ông có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T2 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã T hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 14, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cchấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N. Giao con chung Nguyễn Văn T2 – sinh năm 2006 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Ông N cấp dưỡng nuôi cháu T2 2.000.000 đồng/tháng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về tố tụng:** Đây là vụ án hôn nhân và gia đình do nguyên đơn bà Nguyễn Thị U' làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn ông Nguyễn Văn N. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã Long Hà, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U' và bị đơn ông Nguyễn Văn N đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

## **2. Về nội dung:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị U' và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân giữa bà U' và ông N đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị U' và ông Nguyễn Văn N theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về con chung:* Bà U' và ông N có 04 con chung là Nguyễn Văn M – sinh năm 1992, Nguyễn Văn T – sinh năm 1993, Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1999 và Nguyễn Văn T2 – sinh năm 2006. Các con chung M, T, Tùng đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đủ sức khỏe và khả năng lao động. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà U' có nguyện vọng nếu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông N, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T2 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Ông N có bản tự khai đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Văn T2 cho bà U' trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T2 trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thỏa thuận về người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà U' và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà U' phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ư và ông Nguyễn Văn N.

2. Giao con chung Nguyễn Văn T2 – sinh ngày 07/6/2006 cho bà Nguyễn Thị Ư trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Văn T2 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

**2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị Ư phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015819 ngày 11/8/2022 của Chi cục thi hành án huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà Ư đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Hải**

